TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Số: 726/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-04-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn TH;

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm;

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: bà Trịnh Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 755/2025/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H; sinh ngày 22/02/1991.

Địa chỉ thường trú: xã K, tỉnh L.

Địa chỉ tạm trú: phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Đinh Thành Q; sinh ngày 11/10/1987 – có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: phường C, tỉnh H.

Địa chỉ tạm trú: phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: phường X, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thái T, sinh năm: 2002, địa chỉ: phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. – có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2025 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và cùng với bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung được xác định như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Thành Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh H theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 cấp ngày 08/12/2017.

Trong quá trình chung sống đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng vũ phu, keo kiệt, đánh vợ, đánh em vợ, bà Nguyễn Thị H không quản lý tài chính của ông Đinh Thành Q, bà Nguyễn Thị H tự trang trải chi phí ăn uống, phát sinh và vì làm việc quá nhiều nên bà Nguyễn Thị H bị sinh non và mất con đầu. Cho đến khi sinh con tiếp theo, bà Nguyễn Thị H cũng là người phải tự lo mọi thứ, vừa lo chăm sóc ăn uống cho gia đình, làm việc nhà, học liên thông đại học...hai vợ chồng ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Vợ chồng không thể giao tiếp, không cùng nhận thức, không giao tiếp với nhau suốt 03 năm qua. Nhận thấy, đời sống vợ chồng không H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Thành Q.

Về con chung: có 01 con tên Đinh Nguyễn Bình A, sinh ngày 04/7/2019. Bà Nguyễn Thị H đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên bà có nguyện vọng được nuôi con.

Về cấp dưỡng cho con: tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2025, bà H yêu cầu ông Đinh Thành Q cấp dưỡng cho con số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với buộc ông Đinh Thành Q cấp dưỡng cho con số tiền 3.000.000 đồng/tháng và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Đình Thành Q cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2025, bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia đôi giá trị căn hộ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị căn hộ tạm tính là 1.800.000.000 đồng.

Ngày 02/10/2025, bà Nguyễn Thị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nêu trên, để hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị H trình bày có nợ chung là số tiền trả góp căn hộ chung cư phường T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 207/2019/12020487/HĐTD ngày 21/01/2019 tại Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng), tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 514.415.357 đồng. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia đôi số tiền nợ nêu trên với ông Đinh Thành Q. Nay bà H rút chia tài sản chung để tự thỏa thuận, sau khi bán tài sản chung sẽ tự thỏa thuận khoản nợ để trả cho Ngân hàng. Khoản nợ ngân hàng do ông Q trả hàng tháng, còn bà H trả chi phí tiền uống trong gia đình, tiền học của con.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ông Đinh Thành Q là bị đơn trình bày:

Ông xác nhận ông Q và bà H có có kết hôn với phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của bà H, ông Q đồng ý.

Về con chung: có một con chung tên Đinh Nguyễn Bình A, sinh ngày 04/7/2019, ông đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Q sẽ cấp dưỡng tùy thuộc vào thu nhập của ông.

Về tài sản chung: ông đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông xác nhận bà H trình bày là đúng, hàng tháng ông là người trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng, còn bà H lo các chi phí trong gia đình, con cái.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N do ông Nguyễn Thái T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: ông Q, bà H còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 207/2019/12020487/HĐTD ngày 21/01/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 208/2019/12020487/HĐTC ngày 22/01/2019 dư nợ tạm tính đến ngày 10/3/2026 là 477.515.565 đồng (nợ gốc). Từ khi ký hợp đồng đến nay vẫn trả nợ đều, chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc ly hôn của ông Q và bà H cũng không có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên ngân hàng không có ý kiến, trường hợp có tranh chấp thì sẽ yêu cầu bằng vụ án khác. Ngoài ra, ngân hàng không có ý kiến khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con; rút yêu cầu cấp dưỡng cho con; rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; rút yêu cầu chia nợ chung.

Bị đơn ông Đinh Thành Q và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đinh Thành Q. Giao con chung tên Đinh Nguyễn Bình A cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của bà H và ông Q. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Đinh Thành Q cấp dưỡng cho con số tiền 3.000.000 đồng/tháng và ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Đinh Thành Q cấp dưỡng cho con.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị căn hộ tạm tính là 1.800.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia nợ chung là số tiền trả góp căn hộ chung cư phường T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 207/2019/12020487/HĐTD ngày 21/01/2019 tại Ngân hàng N, tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 514.415.357 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đinh Thành Q, bị đơn cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Q hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Mục 15 (STT -163) của Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện của Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực của Ủy ban thường vụ Q Hội. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: bị đơn là ông Q và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2]. Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Thành Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cam Phú, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 cấp ngày 08/12/2017.

Quá trình chung sống, bà H cho rằng giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho đời sống vợ chồng không H phúc. Ông Q cũng thừa nhận giữa hai bên có bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn gia đình nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Q đã phát sinh trong thời gian dài. Việc bà H kiên quyết ly hôn thể hiện tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (LHNGĐ), Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đinh Thành Q.

[3] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông Q có 01 con tên Đinh Nguyễn Bình A, sinh ngày 04/7/2019. Bà Nguyễn Thị H đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Đinh Nguyễn Bình A nên bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Ông Q đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp ly hôn.

Xét thấy, việc hai bên thống nhất giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của các bên và đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống của trẻ. Do

đó, căn cứ Điều 81 LHNGĐ cần giao trẻ Đinh Nguyễn Bình A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: theo đơn khởi kiện thì bà H yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Tại buổi hòa giải ngày 20/01/2026 bà H rút yêu cầu này và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015 chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn cấp dưỡng cho con. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con.

[4]. Về tài sản chung: theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị H có yêu cầu chia đôi giá trị căn hộ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, với giá trị tạm tính là 1.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 02/10/2025, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung để hai vợ chồng tự thỏa thuận. Ông Đinh Thành Q cũng đồng ý để hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Xét việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; ông Đinh Thành Q không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc rút một phần yêu cầu của bà H và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là căn hộ nêu trên.

[5] Về nợ chung: bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Thành Q xác nhận còn khoản nợ chung đối với Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 207/2019/12020487/HĐTD ngày 21/01/2019, tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 514.415.357 đồng. Bà H ban đầu có yêu cầu chia đôi nghĩa vụ trả nợ nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H tự nguyện rút một phần yêu cầu chia nghĩa vụ trả nợ chung để các bên tự thỏa thuận sau khi xử lý tài sản chung; đồng thời ông Q cũng thống nhất với bà H để bán tài sản sản rồi sẽ xử lý khoản nợ chung.

Mặt khác, phía Ngân hàng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án xác định không có ý kiến đối với quan hệ hôn nhân của các đương sự, không có yêu cầu độc lập và không tranh chấp gì liên quan đến tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung của bà H và ông Q trong vụ án này, vì khoản nợ vẫn được trả đều hàng tháng, chưa có vi phạm nghĩa vụ theo thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu có tranh chấp thì Ngân hàng sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia nghĩa vụ trả nợ chung.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H tạm tính 14.860.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Q hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Mục 15 (STT -163) của Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện của Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực của Ủy ban thường vụ Q Hội;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Đinh Thành Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đinh Thành Q.

1.2. Về con chung: giao con chung tên Đinh Nguyễn Bình A, sinh ngày 04/7/2019 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng: đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Đinh Thành Q cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Đinh Thành Q cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Tài sản chung: đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chia đôi tài sản chung là giá trị căn hộ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng).

1.5. Nợ chung: đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chia đôi số tiền nợ tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 514.415.357 đồng (năm trăm mười bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng) với ông Đinh Thành Q theo Hợp đồng tín dụng số 207/2019/12020487/HĐTD ngày 21/01/2019 được ký kết giữa ông Đinh Thành Q, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng N.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0077774 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Hoàn lại số tiền án phí cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí là 14.860.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0077809 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV9 - TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Gấm